HỘI THẢO QUỐC TẾ: CÔNG BẰNG XÃ HỘI, TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI, ĐOÀN KẾT XÃ HỘI

NGUYỄN ĐÌNH HOÀ(*)

Trong 2 ngày 15 và 16 tháng 10 năm 2007, tại Hà Nội, Viện Triết học thuộc Viện Khoa học xã hội Việt Nam phối hợp với Tổ chức Giáo hội Đức vì sự phát triển hỗ trợ và hợp tác (MISEREOR) đồng tổ chức Hội thảo quốc tế với chủ đề Công bằng xã hội, trách nhiệm xã hội, đoàn kết xã hội (Social Justice, Social Responsibility and Social Solidarity).

Tham dự Hội thảo có gần 200 học giả trong và ngoài nước, bao gồm các nhà khoa học hoạt động trên các lĩnh vực triết học, chính trị; các vị chức sắc của Giáo hội Công giáo Đức, Giáo hội Công giáo Việt Nam, Philippines, Lào, Campuchia.

Ban tổ chức Hội thảo đã nhận được gần 80 báo cáo khoa học (trong đó có 11 báo cáo của các học giả nước ngoài). Với 2 phiên họp toàn thể và 6 phiên họp theo các tiểu ban "Công bằng xã hội", "Trách nhiệm xã hội" và "Đoàn kết xã hội", một số vấn đề nhạy cảm, gây nhiều tranh cãi trong thời gian gần đây cũng được các học giả bàn luận sôi nổi, đưa ra nhiều cách giải thích và những phương pháp giải quyết như: vấn đề công bằng trong điều kiện phát triển của nền kinh tế thị trường ở Việt Nam; vấn đề trách nhiệm xã hội và vai trò của Nhà nước; vấn đề đoàn kết xã hội trong sự phát triển và hội nhập của Việt Nam; vai trò của Giáo hội trong việc thực hiện công bằng và đoàn kết xã hội, v.v… Hội thảo cũng tạo nên một bước tiến mới trên con đường xích lại gần nhau hơn nữa giữa Giáo hội và các nhà khoa học, các nhà hoạt động chính trị, xã hội trong việc cùng nhau hợp tác, nghiên cứu và thảo luận những vấn đề cấp bách của xã hội. Dưới đây là những nội dung chính được thảo luận tại Hội thảo.

I. Về công bằng xã hội

Thứ nhất, *về khái niệm công bằng xã hội*. Trong lịch sử triết học, khái niệm công bằng xã hội xuất hiện khá sớm, bắt đầu từ triết học cổ đại. Có tác giả cho rằng, công bằng là sự tôn trọng các quyền của người khác, là sự tham gia hoạt động (nghĩa vụ) và thụ hưởng kết quả hoạt động (quyền lợi) của mỗi cá nhân trên tất cả các lĩnh vực kinh tế, chính trị, pháp lý và văn hoá, xã hội. Nhiều tác giả tán thành với quan điểm coi công bằng xã hội là một dạng của bình đẳng xã hội, là sự ngang bằng nhau giữa người với người về một phương diện hoàn toàn xác định: phương diện quan hệ giữa cống hiến và

(*) TS., Viện Triết học, Viện Khoa học xã hội Việt Nam.

hưởng thụ theo nguyên tắc cống hiến ngang nhau thì hưởng thụ ngang nhau.

Công bằng xã hội không chỉ được tiếp cận từ góc độ lịch sử, mà còn được phân tích từ góc độ bản thể luận. Đi sâu hơn vào vấn đề, một số báo cáo đã phân tích, lý giải quan niệm của Phật giáo, Nho giáo, Công giáo và Kitô giáo về công bằng xã hội; nội dung của công bằng xã hội theo quan niệm của triết học Marx và triết học phương Tây hiện đại,... nhằm làm rõ những giá trị cũng như hạn chế của các quan niệm đó.

Thứ hai, *về tiêu chí của sự công bằng xã hội*, có tác giả khẳng định, với tính cách mục tiêu, công bằng phải phù hợp với cuộc sống; với tính cách phương tiện, công bằng phân phối chỉ có thể là công bằng khi nó không mâu thuẫn với mục đích cuối cùng. Công bằng phân phối bao gồm không chỉ phân phối không thiên vị về sản xuất, mà còn là sự công bằng trong toàn bộ quá trình sản xuất (kể cả các điều kiện và phương tiện - những cái có thể làm cho cuộc sống con người tốt đẹp hơn). ý kiến khác lại cho rằng, có hai tiêu chí về sự công bằng: 1/Phân phối theo lao động là công bằng và 2/ Phân phối theo cống hiến là công bằng. Nếu theo quan niệm thứ nhất thì xoá bỏ chế độ lao động làm thuê là điều kiện để thiết lập công bằng, còn theo quan niệm thứ hai thì trong điều kiện chế độ lao động làm thuê vẫn có thể thực hiện được sự công bằng. Từ đó, khẳng định quan niệm thứ hai là đúng đắn, phù hợp với chủ trương phát triển kinh tế thị trường hiện nay.

Thứ ba, *về vai trò của công bằng xã hội*. Báo cáo của các tác giả trong và ngoài nước đều khẳng định vai trò to lớn và ý nghĩa nhân văn sâu sắc của công bằng xã hội trong xã hội hiện đại, coi đó là động lực quan trọng thúc đẩy sự phát triển của xã hội. Các tác giả đã khá thống nhất về quan điểm khi cho rằng, một trong những chức năng cơ bản nhất của công bằng xã hội là phương tiện để biến đổi, xây dựng xã hội của con người thành một thế giới nhân văn hơn, hài hoà và ngày càng tốt đẹp hơn. Công bằng xã hội không những được coi là động lực cơ bản của sự phát triển xã hội, mà còn là một trong những thước đo quan trọng về mặt xã hội của tiến bộ xã hội.

Thứ tư, *quan niệm về công bằng xã hội và thực trạng* của việc thực hiện công bằng xã hội ở Việt Nam là vấn đề được khá nhiều báo cáo đề cập tới. Khẳng định công bằng xã hội là khát vọng của nhân dân, đồng thời là một trong những mục tiêu phấn đấu xuyên suốt của Đảng và Nhà nước ta, một số tác giả đã tiến hành khảo sát và phân tích công bằng xã hội ở Việt Nam trong điều kiện hiện nay. Cụ thể là xem xét việc thực hiện công bằng xã hội trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, công bằng xã hội trong lĩnh vực phân phối, công bằng xã hội trong giáo dục và đào tạo, vấn đề thực hiện sự công bằng và bình đẳng giới cũng như sự công bằng giữa đồng bào có tôn giáo tín ngưỡng và không có tôn giáo tín ngưỡng, giữa các tôn giáo ở Việt Nam,...

Bên cạnh việc khẳng định những kết quả đáng ghi nhận của việc thực hiện công bằng xã hội ở Việt Nam trong thời gian vừa qua, nhất là trong thời kỳ đổi mới, các báo cáo còn nhận diện, xác định những hạn chế và bất cập trên lĩnh vực này. Một số báo cáo cho rằng, hiện nay, trong xã hội còn không ít hiện

tượng bất công chưa được giải quyết hoặc giải quyết nhưng chưa có hiệu quả như mong muốn. Những hạn chế này biểu hiện trên nhiều lĩnh vực: kinh tế, văn hoá, xã hội. Một bộ phận nhân dân còn thuộc diện đói nghèo, thiếu việc làm hoặc bị thất nghiệp, thu nhập thấp; việc hưởng thụ các thành quả của sự phát triển kinh tế, văn hoá và xã hội cũng như cơ hội tiếp cận dịch vụ về giáo dục - đào tạo, y tế và chăm sóc sức khoẻ, văn hoá,... của họ còn rất hạn chế.

Thứ năm, *về các biện pháp thực hiện công bằng xã hội ở Việt Nam*. Theo ý kiến của nhiều tác giả, một trong những vấn đề quan trọng đặt ra ở Việt Nam hiện nay là, làm thế nào để giải quyết tốt các vấn đề xã hội và bảo đảm công bằng xã hội. Bởi nếu không giải quyết đúng đắn vấn đề này thì hậu quả sẽ hoặc là làm triệt tiêu động lực phát triển kinh tế, hoặc là sự bất công bằng sẽ gia tăng.

Khi đề cập đến vấn đề này, các báo cáo đã đề xuất và luận chứng một loạt các biện pháp được coi là cơ bản và cấp bách. Về nguyên tắc, việc thực hiện công bằng xã hội phải mang tính toàn diện, được thực hiện không chỉ trong lĩnh vực phân phối, mà cả trên các phương diện, khía cạnh khác của đời sống xã hội: xoá đói giảm nghèo, giáo dục - đào tạo, y tế và chăm sóc sức khoẻ cộng đồng, thực hiện chính sách đền ơn đáp nghĩa với những người có công với cách mạng, các chính sách với các đối tượng xã hội, đáp ứng nhu cầu tín ngưỡng, đời sống tâm linh của nhân dân,... Để thực hiện và bảo đảm sự công bằng xã hội, việc thực hiện các biện pháp kinh tế, chính trị, văn hoá và xã hội phải được tiến hành đồng bộ và kết dính chặt chẽ với nhau như những mắt xích trong hệ thống xã hội lấy con người làm trung tâm. Nói cách khác, chúng phải hướng vào việc phát triển con người bền vững với những thành tố cơ bản mà UNDP đã đưa ra năm 1995.

Trong *nhóm giải pháp chính trị*, trước hết phải xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân và vì dân; thực hành dân chủ rộng rãi, đồng thời nâng cao tính nghiêm minh và hiệu quả của pháp chế, pháp luật xã hội chủ nghĩa; tăng cường sự lãnh đạo của Đảng... Trong *nhóm giải pháp kinh tế*, phải đặt nhiệm vụ phát triển lực lượng sản xuất theo hướng hiện đại lên hàng đầu, kết hợp với việc thiết lập từng bước quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa từ thấp đến cao với sự đa dạng hoá các hình thức sở hữu. Trong *nhóm giải pháp văn hoá và xã hội*, cần tập trung hướng vào xây dựng nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, thực hiện hệ thống chính sách xã hội đúng đắn,...

Báo cáo của các tác giả thuộc tổ chức MISEREOR và Giáo hội Việt Nam cũng đưa ra những kinh nghiệm và đề xuất một số biện pháp nhằm góp phần vào mục đích chung là xây dựng một thế giới công bằng, tốt đẹp cho tất cả nhân loại.

II. Về trách nhiệm xã hội

Một là, *về khái niệm trách nhiệm xã hội*:

Trách nhiệm được hiểu là năng lực của con người ý thức được những hậu quả do hành động của mình mang lại. Có thể hiểu *trách nhiệm xã hội* là ý thức của công dân, của cộng đồng về nghĩa vụ, bổn phận của mình đối với xã hội, biểu hiện qua hành động cụ thể trong quan hệ giữa con người với con người và

giữa con người với tự nhiên. Hay nói cách khác, nó thể hiện ở chỗ con người ý thức được và thực hiện được những đòi hỏi của xã hội. Trong từng lĩnh vực cụ thể, trách nhiệm xã hội lại có nội dung xác định của nó. Chẳng hạn, từ góc độ quản lý, trách nhiệm xã hội được hiểu như việc hoàn thành bổn phận của cá nhân, tập thể trong hệ thống quản lý xã hội; từ khía cạnh đạo đức, trách nhiệm xã hội lại được xét như một phẩm chất chủ quan, một đặc tính đạo đức của một con người. Bản chất của trách nhiệm xã hội chính là sự nhận thức về bổn phận, nghĩa vụ và việc thực hiện bổn phận, nghĩa vụ đó. Khái niệm này có liên quan chặt chẽ với khái niệm tự do, là sự cụ thể hoá của khái niệm tự do và tất yếu.

Hai là, về *vai trò của trách nhiệm xã hội*. Các báo cáo đều khẳng định vai trò quan trọng, không thể thiếu của trách nhiệm xã hội trong xã hội hiện đại. Thực vậy, trách nhiệm xã hội đóng vai trò to lớn đối với sự phát triển xã hội; nó vừa kiềm chế những hành động đi ngược với lợi ích chung, vừa kích thích hành động tích cực, phù hợp với lợi ích chung của xã hội. Một trong những chức năng chủ yếu của nó là góp phần điều chỉnh các nhu cầu của con người trên cơ sở sự thống nhất của các lợi ích.

Trách nhiệm có cơ sở ở lợi ích. Sự thống nhất giữa lợi ích cá nhân và lợi ích xã hội sẽ kích thích sự quan tâm cũng như tính tự nguyện, tự giác của con người trong việc thực hiện lợi ích chung của xã hội, nghĩa là nó làm gia tăng và phong phú trách nhiệm xã hội của con người.

Trách nhiệm là yếu tố không thể loại bỏ khỏi cuộc sống của con người và xã hội loài người. Nhờ có trách nhiệm của mỗi người, mỗi cộng đồng mà xã hội có thể phát triển trên những cơ sở vững chắc.

Một số báo cáo đã khảo sát, phân tích trách nhiệm xã hội trong những mối quan hệ xác định, chẳng hạn với kinh tế thị trường, với xã hội dân sự,... Trong điều kiện phát triển nền kinh tế thị trường, trách nhiệm xã hội có ý nghĩa đặc biệt quan trọng. Kinh tế thị trường, như chúng ta đã biết, luôn vận động và chịu sự chi phối của các quy luật kinh tế khách quan, như quy luật giá trị, quy luật giá trị thặng dư, quy luật cạnh tranh... Trong bối cảnh như vậy, ý thức về trách nhiệm xã hội của mọi người, mọi cộng đồng sẽ góp phần tích cực trong việc kiềm chế và ngăn chặn những tác động tiêu cực hay mặt trái của kinh tế thị trường. Đồng thời, nó giúp cho các chủ thể sản xuất kinh doanh tự điều chỉnh các hoạt động của mình sao cho phù hợp với những đòi hỏi của những chuẩn mực pháp lý, đạo đức chung của xã hội để hướng tới các giá trị chân, thiện, mỹ. Trên cơ sở đó, thúc đẩy sự phát triển và làm lành mạnh hoá các quan hệ xã hội.

Ba là, *những thách thức đối với trách nhiệm xã hội*. Vấn đề này được một số báo cáo đề cập tới như một nội dung liên quan đến việc tìm cách nâng cao ý thức trách nhiệm xã hội. Có thể nói, sự xuất hiện và gia tăng mức độ nghiêm trọng của hàng loạt vấn đề toàn cầu, như quyền sống và các quyền tự do khác của con người, chủ nghĩa khủng bố, đói nghèo và bệnh tật, ô nhiễm môi trường sống, thậm chí cả sự lạm dụng tiến bộ khoa học-công nghệ,... đang thực sự là những thách thức đối với toàn nhân loại. Nhưng cũng chính những thách thức đó đang đặt ra đòi hỏi bức

xúc đối với mỗi người, mỗi cộng đồng và mỗi quốc gia dân tộc phải nâng cao hơn nữa trách nhiệm xã hội của mình.

Bốn là, *yêu cầu nâng cao trách nhiệm xã hội*.

Đây là một nội dung ít được xem xét như một vấn đề độc lập, mà được trình bày lồng ghép trong hầu hết các báo cáo thuộc nhóm đề tài trách nhiệm xã hội. Trong đó, một mặt, nhấn mạnh đến trách nhiệm của các cá nhân, các nhóm và cộng đồng xã hội; mặt khác, phân tích vai trò của nhà nước và xã hội dân sự đối với việc nâng cao và phát huy trách nhiệm xã hội.

III. Về đoàn kết xã hội

Thứ nhất, về khái niệm *đoàn kết xã hội*. Đoàn kết xã hội có thể được tiếp cận từ nhiều góc độ khác nhau. Theo *Đại từ điển tiếng Việt*, đoàn kết là kết thành một khối, thống nhất ý chí, không mâu thuẫn, không chống đối nhau... nhằm đạt tới mục đích chung nhất định. Nhiều báo cáo khẳng định đoàn kết xã hội là một giá trị văn hoá, một phương thức để liên kết con người với con người, cá nhân với cộng đồng và xã hội, dân tộc với quốc tế và nhân loại tạo thành một khối thống nhất. Có ý kiến cho rằng, từ *Solidarity* trong tiếng Anh nên được dịch là *liên đới*, khái niệm liên đới có nội dung rộng hơn so với khái niệm đoàn kết.

Thứ hai, *cơ sở của đoàn kết xã hội* là nội dung được các học giả đề cập đến khá nhiều. Theo quan điểm của một số tác giả, truyền thống đoàn kết của người Việt được bắt nguồn từ quan hệ khăng khít giữa nhà - làng - nước, từ lòng yêu nước và tinh thần vị tha của con người.

Nhiều báo cáo đã khẳng định, điểm mấu chốt, chất keo kết nối con người với con người, cá nhân với cộng đồng,... trước hết và chủ yếu là lợi ích. Nói cách khác, sự liên kết, hợp tác, đoàn kết và đồng thuận xã hội đều hợp điểm và quy tụ ở lợi ích. Ngoài ra, cơ sở của đoàn kết xã hội còn được lý giải ở các khía cạnh khác, như dân chủ, đồng thuận xã hội, khoan dung văn hoá, trong đó có khoan dung tôn giáo, với tinh thần phát huy những điểm tương đồng, tôn trọng và thu hẹp những khác biệt về ý thức hệ, về quan điểm chính trị cũng như văn hoá hướng tới sự đối thoại và hợp tác. Đặc biệt, có một số báo cáo đã đề cập, phân tích và làm sáng tỏ thêm tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc, khẳng định vai trò của Người trong sự nghiệp xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc là vô cùng quan trọng.

Thứ ba, về *vai trò động lực của đoàn kết xã hội* nói chung và ở Việt Nam nói riêng. Hầu hết các báo cáo đều đề cập đến nội dung này và có sự đánh giá tương đối thống nhất về vai trò quan trọng của đoàn kết xã hội, coi đoàn kết là *nguồn tạo nên sức mạnh tổng hợp*. Ông Tổng Giám đốc MISEREOR cho rằng, sự liên quan và phụ thuộc lẫn nhau trong thế giới hiện đại ngày càng tăng lên và trong điều kiện như vậy, không quốc gia nào có thể tồn tại, phát triển nếu tách khỏi cộng đồng thế giới, nếu chỉ hoàn toàn trông cậy vào bản thân mình.

Thực tế cho thấy, chính là nhờ có đoàn kết mà cộng đồng xã hội đạt được sự thống nhất cả về nhận thức lẫn hành động và do vậy, tạo thành nguồn nội lực quan trọng thúc đẩy sự phát triển của xã hội.

Ở Việt Nam, đoàn kết được đánh giá là nguồn lực nội sinh, động lực quan trọng thúc đẩy tiến trình đổi mới; là

nhân tố quyết định bảo đảm thắng lợi bền vững của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Thứ tư, *về quan hệ giữa những người theo các tôn giáo khác nhau, giữa người có tín ngưỡng và người không tín ngưỡng*. Ở Việt Nam, quan hệ giữa những nhóm dân cư này về cơ bản là đoàn kết, hoà thuận. Đồng bào các tôn giáo ở Việt Nam có sự hoà nhập và đồng thuận xã hội, có lòng yêu nước và đóng góp tích cực vào sự nghiệp đấu tranh giành độc lập dân tộc, thống nhất đất nước và bảo vệ Tổ quốc.

Thứ năm, về *những thách thức đối với phong trào đoàn kết*. Một số học giả cho rằng, phong trào đoàn kết hiện nay đang đứng trước những thách thức không nhỏ, chẳng hạn sự tác động của toàn cầu hoá, tình trạng đói nghèo... Đây là vấn đề cần được nhận thức rõ để có những biện pháp giải quyết một cách tích cực và có hiệu quả.

Thứ bảy, về *các biện pháp xây dựng và phát huy sức mạnh đoàn kết*. Hầu hết các báo cáo đều cho rằng, đoàn kết xã hội không tự nó hình thành, mà phải trải qua cả một quá trình xây dựng lâu dài, củng cố và đổi mới thường xuyên; chỉ rõ một số biện pháp cơ bản: đấu tranh vì một toàn cầu hoá nhân tính, một toàn cầu hoá đoàn kết, trong đó mỗi người, mỗi cộng đồng đều có lợi ích và trách nhiệm của mình; giải quyết đúng đắn vấn đề lợi ích; tiếp thu kinh nghiệm và giá trị đoàn kết của nước ngoài; phát huy tinh thần khoan dung trên cơ sở những điểm tương đồng, giúp đỡ người nghèo, yếm thế trong xã hội...

Tựu trung lại, tại Hội thảo này, nhiều vấn đề lý luận và thực tiễn quan trọng về *công bằng xã hội, trách nhiệm xã hội, đoàn kết xã hội* đã được nghiên cứu, thảo luận và làm sáng tỏ. Đồng thời, Hội thảo cũng gợi mở một số vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu và trao đổi nhằm góp phần vào việc xây dựng một thế giới hoà bình, ổn định, phát triển bền vững và lành mạnh, trong đó con người là trung tâm, là giá trị xuyên suốt.